TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5- LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2025/HS-ST
Ngày 15-9-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5- LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Lên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đào Thị Thường.

2. Ông Phạm Thành Đô.

- Thư ký phiên toà: Ông Hờ A Say- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5- Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5- Lào Cai tham gia phiên toà: Hoàng Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5- Lào Cai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2025/TLST-HS ngày 18 tháng 7 năm 2025, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2025/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 9 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Lê Thanh H, sinh ngày 30 tháng 10 năm 1981 tại thị xã N, tỉnh Yên Bái. Nơi thường trú: Tổ A, phường T, tỉnh Lào Cai (trước sáp nhập là tổ A, phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái); nơi ở hiện tại: Tổ dân phố S, phường T, tỉnh Lào Cai (trước sáp nhập là thôn S, xã P, thị xã N, tỉnh Yên Bái). Nghề nghiệp: Giám đốc Doanh nghiệp tư nhân S5; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Xuân S và bà Lê Thị H1; có vợ là Đào Thị Hương G và có 02 (lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2012); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại phường T, tỉnh Lào Cai; có mặt.

2. Đào Thị Hương T, sinh ngày 15 tháng 12 năm 1982 tại thành phố T, tỉnh Thái Bình. Nơi thường trú: Tổ B, phường T, tỉnh Lào Cai (trước sáp nhập là tổ B, phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái); nơi ở hiện tại: Tổ A, phường T, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Kế toán; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Văn Q và bà Vũ Thị D; có chồng là Đào Văn T1 và có 02 con (lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2013); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại phường T, tỉnh Lào Cai; có mặt.

3. Hoàng Thị N, sinh ngày 28 tháng 10 năm 1980 tại thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường Đ, tỉnh Bắc Ninh (trước sáp nhập là tổ dân phố Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang). Nơi ở hiện tại: Tổ dân phố T, phường Đ, tỉnh Bắc Ninh (trước sáp nhập là tổ dân phố T, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang); nghề nghiệp: Giám đốc- Công ty TNHH MTV T7; trình độ văn hóa (học vấn) 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Minh N1 và bà Thân Thị K; có chồng là Mai Chu H2 và có 02 con (lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2003) tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại phường Đ, tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Vũ Thị L, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ dân phố C, phường T, tỉnh Lào Cai; vắng mặt.

- Hà Văn H3, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ E, phường C, tỉnh Lào Cai; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Hoàng Văn S1, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ dân phố C, phường T, tỉnh Lào Cai; vắng mặt.

- Phạm Ngọc Q1, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh Lào Cai; vắng mặt.

- Đinh Thành C, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ A, xã L, tỉnh Lào Cai; vắng mặt.

- Đặng Văn C1, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn G, xã C, tỉnh Lào Cai; vắng mặt.

- Trần Văn M, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ dân phố C, phường T, tỉnh Lào Cai; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Chu Linh T2, sinh năm 1993; địch chỉ: Tổ D, phường T, tỉnh Lào Cai; vắng mặt.

Người tham gia tố tụng khác: Người làm chứng Bùi Phong V, Đỗ Thế M1, Vũ Ngọc V1, Trần Minh T3, Vũ Ngọc T4, Nguyễn Mạnh K1, Nguyễn Thị K2, Nguyễn Ngọc S2, Nguyễn Thu H6, Quản Đình P, Nguyễn Thị Thu H4, Trần Văn C2; vắng mặt. Người làm chứng Nguyễn Mạnh C3, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Doanh nghiệp tư nhân S5 (viết tắt là DNTN sản xuất và thương mại S5), có mã số thuế 5200819652; địa chỉ: Thôn N, xã P, thị xã N, tỉnh Yên Bái (nay là tổ dân phố N, phường T, tỉnh Lào Cai), do Lê Thanh H là chủ doanh nghệp. DNTN sản xuất và thương mại S5 đăng ký kinh doanh từ năm 2015 với 26 mã ngành nghề kinh doanh trong đó có mã ngành nghề kinh doanh chính là bán buôn nhôm,

kính, inox, sắt, thép…. đến ngày 12-11-2019 thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp. Quá trình hoạt động đã DNTN sản xuất và thương mại Thanh H có 02 người hỗ trợ nghiệp vụ kế toán là Đào Thị Hương T và Vũ Thị L.

Cuối tháng 6 năm 2023, với mục đích lấy đầu vào để bán hóa đơn giá trị gia tăng (viết tắt là GTGT), Lê Thanh H liên hệ qua mạng xã hội Zalo đặt vấn đề mua của Hoàng Thị N- Giám đốc Công ty TNHH T7 (viết tắt là Công ty T7), mã số thuế: 240064549; địa chỉ đường V, thôn T, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (nay là Tổ dân phố T, phường Đ, tỉnh Bắc Ninh) hóa đơn GTGT mà không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo. N và H thống nhất tiền mua hóa đơn sẽ theo từng mặt hàng cụ thể như: Nhôm là 4%; tôn là 3%; thép là 3,5%; kính là 5% tổng giá trị mặt hàng trước thuế, mỗi lần mua hóa đơn, H sẽ gửi cho N số lượng hàng hóa để N làm căn cứ tính tiền và xuất hóa đơn cho H. Trong thời gian từ ngày 30-6-2023 đến ngày 24-9-2024, N đã xuất bán trái phép cho H 07 hóa đơn GTGT số 50, 60, 8, 60, 61, 100, 102 có tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 1.822.580.032 đồng, thuế GTGT là 182.258.003 đồng.

Để thanh toán tiền mua 07 hóa đơn GTGT trên, H chuyển tiền mua hóa đơn từ tài khoản cá nhân của H (tài khoản Agribank số H7) đến tài khoản cá nhân của N (tài khoản MBBank số 133642589) hoặc ủy nhiệm chi số tiền theo hóa đơn đã mua từ tài khoản của S5 (tài khoản Agribank số H7) đến tài khoản Công ty T7 (tài khoản ViettinBank số A), sau đó N giữ lại tiền bán hóa đơn rồi chuyển khoản số tiền còn lại cho H. Quá trình xuất bán trái phép 07 hóa đơn GTGT khống trên, N đã thu về số tiền 79.689.000 đồng. Đối với số tiền này N được hưởng lợi hoàn toàn do số hàng hóa ghi trên hóa đơn bán cho H vẫn còn tồn tại kho của N.

Từ tháng 4 năm 2023 đến tháng 8 năm 2024, Lê Thanh H đã chỉ đạo Đào Thị Hương T và Vũ Thị L xuất bán trái phép tổng số 18 hóa đơn GTGT mà không có hàng hoá kèm theo cho 09 công ty khác nhau trên địa bàn tỉnh Yên Bái cũ, nay là tỉnh Lào Cai, cụ thể như sau:

1. Bán hóa đơn giá trị gia tăng cho công ty cổ phần P1 (viết tắt là công ty P1), mã số thuế 5200273074; địa chỉ: Tổ dân phố số H, phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Lê Thanh H bán trái phép 02 hóa đơn GTGT số 02 ngày 13-4-2023 và số 04 ngày 15-5-2023, với tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 75.143.705 đồng, thuế GTGT là 7.514.371 đồng; cụ thể:

Năm 2023, Công ty P1 thi công Công trình xây dựng trụ sở Công an thị trấn S, huyện V, tỉnh Yên Bái, Bùi Phong V là Giám đốc Công ty P1 ủy quyền cho Đỗ Mạnh T5- Đội trưởng Đội thi công thuộc Công ty P1 mua sắm trang thiết bị, vật tư. Sau khi nhận ủy quyền, T5 tiếp tục nhờ Đỗ Quyết C4, có địa chỉ tại tổ B, phường P, thị xã N, tỉnh Yên Bái liên hệ tìm đơn vị để thi công hạng mục cửa, sen hoa inox. Đỗ Quyết C4 liên hệ và thuê Hà Văn H3, có địa chỉ tại phường C, thị xã N, tỉnh Yên Bái thi công hạng mục cửa; thuê Hoàng Văn S1, có địa chỉ tại bản C, xã N, thị xã N, tỉnh Yên Bái thi công hạng mục sen hoa inox. Sau khi hoàn thành công việc, C4 yêu cầu H3 và S1 xuất hóa đơn GTGT để thanh toán với

Công ty P1. Do H3 và S1 không xuất được hóa đơn GTGT nên cả hai đã liên hệ với Lê Thanh H để mua hóa đơn.

- Ngày 13-4-2023 Hà Văn H3 liên hệ với Lê Thanh H đặt vấn đề hỏi mua hóa đơn giá trị gia tăng, H đồng ý bán hóa đơn GTGT với giá tiền bằng 12% tổng giá trị hàng hóa trước thuế ghi trên hóa đơn. Sau đó thông qua ứng dụng Zalo Hân gửi cho H loại hàng hóa, thông số kỹ thuật, giá tiền và người mua hàng là Công ty P1. Lê Thanh H chuyển những thông tin trên cho kế toán là Đào Thị H T để lập bản hóa đơn giá trị giá tăng nháp rồi gửi lại cho H3 xem, kiểm tra. Sau khi H3 xác nhận các nội dung trên thì H chuyển nội dung cho T in hợp đồng kinh tế và xuất hoá đơn GTGT rồi chuyển lại cho H ký rồi giao cho lại cho H3.

Sau khi nhận được hóa đơn số 02 lập ngày 13-04-2023, Công ty P1 làm thủ tục ủy nhiệm chi từ tài khoản công ty (tài khoản Agribank số H7) chuyển 76.413.156 đồng vào tài khoản S5 (tài khoản H7 số 8710201001486). Khi nhận được tiền, H rút toàn bộ số tiền trên lấy tiền mặt đưa trả lại cho H3, H3 sử dụng tài khoản M3 số 88886699999 chuyển 8.335.000 đồng vào tài khoản cá nhân của H (tài khoản Agribank số H7) để trả tiền mua hóa đơn.

- Ngày 05-5-2023 Hoàng Văn S1 liên hệ Lê Thanh H đặt vấn đề mua hóa đơn GTGT, H đồng ý bán hóa đơn GTGT với giá tiền bằng 12% tổng giá trị hàng hóa trước thuế ghi trên hóa đơn. Sau đó thông qua ứng dụng Zalo Sơn gửi cho H loại hàng hóa, thông số kỹ thuật, giá tiền và người mua hàng là Công ty P1. Ngày 15-5-2023 H nhờ T xuất xuất hóa đơn GTGT số 04 theo yêu cầu của S1, đồng thời H nhắn tin cho S1 về thu tiền bán hóa đơn là 680.000 đồng và yêu S1 chuyển tiền mua hóa đơn vào khoản H7 số 8710288999999 của H.

Hoang Văn S3 sau khi nhận được Hóa đơn số 04 lập ngày 15-5-2023, cùng ngày, S3 sử dụng tài khoản ngân hàng B chuyển 680.000 đồng vào tài khoản H7 số 8710288999999 của Lê Thanh H để thành toán tiền mua hóa đơn.

2. Bán Hóa đơn cho Công ty TNHH N3 (viết tắt công ty N3), mã số thuế 5200787866; địa chỉ: Tổ G, phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Lê Thanh H bán 01 hóa đơn GTGT số 07 ngày 27-6-2023, với tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 3.242.820 đồng, thuế GTGT là 324.282 đồng. Cụ thể:

- Năm 2023, Công ty N3 thi công Công trình sân vận động xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái. Quá trình thi công, Vũ Ngọc V1 - Giám đốc Công ty N3 giao cho Trần Minh T3- Quản lý chịu trách nhiệm tổ chức thi công. Để thi công hạng mục cửa, T3 thuê Hà Văn H3 thực hiện. Sau khi hoàn thành công việc, T3 yêu cầu H3 xuất hóa đơn để thanh toán. Do không xuất được hóa đơn nên H3 liên hệ với Lê Thanh H mua hóa đơn khống xuất cho Công ty N3. Sau khi thỏa thuận, H đồng ý bán hóa đơn GTGT với giá tiền bằng 12% tổng giá trị hàng hóa trước thuế ghi trên hóa đơn. Hân gửi cho H thông tin hàng hóa, số lượng, giá trị và và người mua hàng là công ty N3. Ngày 27-6-2025 Lê Thanh H chỉ đạo Đào Thị Hương T sử dụng doanh nghiệp S5 xuất 01 hóa đơn GTGT số 07 vào công ty N3 với tổng giá trị hàng hóa trước thuế là 3.242.820 đồng, tổng giá trị hàng hóa sau thuế là

3.567.102 đồng, H nhắn tin cho H3 về thu tiền bán hóa đơn là 390.000 đồng và yêu H3 chuyển tiền mua hóa đơn vào khoản H7 số 8710288999999 của H.

Hà Văn H3 sau khi nhận được hóa đơn số 07 ngày 27-6-2025 đã thông báo cho Trần Minh T3 biết việc mua hóa đơn và tiền mua hóa đơn. Ngày 04-7-2023, T3 sử dụng tài khoản V2 số 106895006666 chuyển số tiền 390.000 đồng vào tài khoản cá nhân của H để trả tiền mua hóa đơn trên.

3. Bán hóa đơn cho Công ty TNHH T8 (Công ty T8), mã số thuế 5200906400; địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn S, huyện V, tỉnh Yên Bái. Lê Thanh H bán 02 hóa đơn GTGT khống số 8 và 9 ngày 19-6-2024, với tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 75.666.376 đồng, thuế GTGT là 6.867.616 đồng. Cụ thể:

Tháng 6-2024, Công ty T8 thi công Công trình sửa chữa trụ sở làm việc của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện V. Quá trình thi công hạng mục mái tôn, cửa, Vũ Ngọc T4- Giám đốc Công ty T8 thuê Hoàng Văn S1 thực hiện. Sau khi hoàn thành thi công, T4 đề nghị S1 cung cấp hóa đơn GTGT. Sau đó, T4 giao cho vợ là Chu Linh T2 - Kế toán Công ty T8 trao đổi với S1 về việc lấy hóa đơn GTGT trả cho Công ty T8, S1 hướng dẫn T2 liên hệ với Lê Thanh H để mua hóa đơn. Lê Thanh H đồng ý xuất bán 02 hóa đơn GTGT cho công ty T8 HĐ với tổng giá trị hàng hóa trước thuế là 75.666.376 đồng, tổng hàng hóa giá trị sau thuế là 82.553.992 đồng và T2 phải trả cho H 12% tổng giá trị hàng hóa trước thuế ghi trên hóa đơn tương đương với số tiền là 9.080.000 đồng. T2 gửi cho H thông tin về mặt hàng, số lượng, giá trị, H chuyển tiếp thông tin cho L để L xuất 02 hóa đơn GTGT cho Công ty T8 (hóa đơn số 08 và hóa đơn số 09, ký ngày 19-6-2024, với tổng giá trị hàng hóa sau thuế là 82.553.992 đồng).

Ngày 01-7-2024, để hợp thức hóa số tiền mua hàng hóa theo hóa đơn số 08 và hóa đơn số 09, Công ty T8 làm thủ tục ủy nhiệm chi từ tài khoản BIDV số C6 của Công ty T8 chuyển 82.533.992 đồng vào tài khoản H7 số 8710201001486 của S5. Sau khi giữ lại tiền mua hóa đơn là 9.080.000 đồng, H rút tiền từ tài khoản của S5 nộp vào tài khoản H7 số 8710288999999 của H và chuyển 73.453.000 đồng vào tài khoản BIDV số 3711077393 của Chu Linh T2 để trả lại tiền cho Công ty T8.

4. Bán hóa đơn cho Công ty cổ phần T8 (viết tắt là công ty T8), mã số thuế 0109655572; địa chỉ: Số nhà D, ngõ F T, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội. Lê Thanh H xuất bán không 01 hóa đơn GTGT số 20 ngày 19-12-2023, với tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 87.675.000 đồng, thuế GTGT là 6.854.000 đồng. Cụ thể:

Năm 2023, trong quá trình Công ty T8 thi công Công trình trụ sở hành chính công xã B, huyện V, đơn vị đã thuê Vũ Ngọc T4-Giám đốc Công ty T8 HĐ liên hệ tìm mua vật tư để thi công. Sau đó, T4 tiếp tục thuê Hoàng Văn S1 thi công các loại cửa nhôm kính, inox. Sau khi hoàn thành, T4 đề nghị S1 cung cấp hóa đơn GTGT trả cho Công ty T8, S1 trao đổi với T4 sẽ mua hóa đơn GTGT của S5. T4 đồng ý và gửi các thông tin về đơn vị mua hàng, số lượng, giá trị hàng hóa

cho S1 để S1 mua hóa đơn. Sau đó, S1 liên hệ với Lê Thanh H đặt vấn đề mua hóa đơn, H đồng ý bán hóa đơn GTGT cho S1 với giá tiền bằng 12% tổng giá trị hàng hóa trước thuế. Sau khi H nhận các thông tin hàng hóa từ S1 chuyển đến thì H chuyển tiếp và nhờ Đào Thị Hương T xuất hóa đơn GTGT cho Công ty T8. Sau đó, T lập bản nháp hóa đơn GTGT chuyển cho H để H chuyển cho người mua kiểm tra. Sau khi kiểm tra thấy các thông tin ghi trên hóa đơn chính xác, T4 bảo S1 liên hệ với H xuất 01 hóa đơn như nêu trên. Sau đó, Công ty T8 đã 04 lần chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng của S5 để thanh toán hóa đơn.

5. Bán hóa đơn cho Công ty TNHH T8 (viết tắt là công ty T8), mã số thuế 5200559838; địa chỉ: Tổ D, phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Lê Thanh H đã xuất bán khống 01 hóa đơn GTGT số 22 ngày 30-12-2023, với tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 168.911.200, thuế GTGT là 16.891.120 đồng. Cụ thể:

Năm 2023, Công ty T8 thi công Công trình Sân vận động xã P, thị xã N. Quá trình thi công, Nguyễn Mạnh K1- Giám đốc Công ty T8 giao khoán cho Phạm Minh Q2 mua sắm vật tư và thuê nhân công thi công công trình. Sau khi hoàn thiện công trình, K1 yêu cầu Q2 cung cấp, hoàn thiện các hóa đơn, chứng từ để thanh toán với Công ty T8 theo quy định, Q2 đã nhờ em trai là Phạm Ngọc Q3, địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái tìm mua hóa đơn. Sau đó Q3 liên hệ với Đào Thị Hương T đặt vấn đề mua 01 hóa đơn GTGT trả cho Công ty T8. T trao đổi với Lê Thanh H về việc sử dụng hóa đơn S5 xuất bán cho Công ty T8 với giá tiền bằng 17% tổng giá trị hàng hóa trước thuế thì được H đồng ý. Sau đó Q3 gửi các thông tin của công ty N4 và các thông tin về hàng hóa với tổng giá trị trước thuế là 168.911.200 đồng. T sử dụng chữ ký số của Doanh nghiệp S5 xuất bán 01 hóa đơn giá trị gia tăng số 22 ký ngày 30-12-2023 cho công ty N4 và nhắn tin số tài khoản ngân hàng của Lê Thanh H yêu cầu Q3 thanh toán tiền mua hóa đơn với số tiền 28.714.000 đồng.

Ngày 30-12-2023, Công ty T8 đã làm ủy nhiệm chi, chuyển số tiền 185.802.320 đồng vào tài khoản Doanh nghiệp S5, sau đó Lê Thanh H rút tiền trả lại cho Phạm Ngọc Q3, cùng ngày 30-12-2023, Q3 chuyển 28.715.000 đồng vào tài khoản H7 số 8710288999999 của H để trả tiền mua hóa đơn.

6. Bán hóa đơn cho Công ty TNHH N5 (viết tắt là công ty N5), mã số thuế 5200886627; địa chỉ: Khu công nghiệp P, xã P, huyện Y, tỉnh Yên Bái. Lê Thanh H bán trái phép 02 hóa đơn GTGT số 02 ngày 31-01-2024 và số 03 ngày 06-02-2024, với tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 150.774.815 đồng, thuế GTGT là 12.061.985 đồng. Cụ thể:

Khoảng cuối năm 2023, Công ty N5 thi công trụ sở của công ty. Theo đó, Công ty N5 thuê Đặng Văn C1- Giám đốc Công ty TNHH Đ thi công hạng mục cửa kính. Sau khi hoàn thành công trình, Nguyễn Thị K2- Giám đốc Công ty N5 đề nghị C1 cung cấp hóa đơn GTGT, C1 liên hệ với Lê Thanh H để mua hóa đơn, H bảo C1 liên hệ với Vũ Thị L để cung cấp thông tin và lấy hóa đơn. Sau khi liên hệ với L trao đổi thống nhất việc mua hóa đơn GTGT để xuất cho Công ty N5,

C1 đã giới thiệu K2 liên hệ với L để lấy hóa đơn từ S5. Sau đó, L thống nhất với C1 bán hóa đơn GTGT với giá tiền bằng 12% tổng giá trị hàng hóa trước thuế, C1 đồng ý và thông báo cho K2 trao đổi với Lành các mặt hàng, số lượng, giá trị để thống nhất xuất hóa đơn và các chứng từ kèm theo. Do thời điểm này Đào Thị H5 T chuẩn bị nghỉ, chưa bàn giao chữ ký số nên L trao đổi lại với H và gửi các thông tin này cho T để nhờ xuất hoá đơn cho Công ty N5. Sau khi được H yêu cầu xuất hóa đơn, L tiếp tục nhờ T xuất hóa đơn số 02 lập ngày 31-01-2024 (tổng giá trị tiền hàng sau thuế là 119.636.800 đồng) rồi T thông báo cho H biết nội dung xuất hóa đơn trên.

Ngày 06-02-2024, K2 tiếp tục trao đổi với L đề nghị xuất thêm cho Công ty N5 01 hóa đơn nữa. Sau khi thống nhất nội dung ghi trên hóa đơn, L xuất hóa đơn cho Công ty N5 (hóa đơn số 03 lập ngày 06-02-2024, tổng giá trị tiền hàng sau thuế là 43.200.000 đồng). Sau khi S5 xuất các hóa đơn cho Công ty N5, T đã thông báo cho H số tiền H được hưởng từ việc bán hóa đơn là 18.092.977 đồng.

Đối với việc thanh toán tiền, ngày 06-02-2024, Công ty N5 làm thủ tục ủy nhiệm chi từ tài khoản Vietinbank số V2 chuyển thành 02 lần với tổng số tiền 162.836.800 đồng vào tài khoản của S5. Sau khi H giữ lại tiền bán hóa đơn là 18.092.977 đồng tương ứng 12% trên tổng giá trị hàng hóa trước thuế của hóa đơn số 02 và số 03. Số tiền còn lại H sử dụng tài khoản M3 số 0919672101 của Đào Thị Hương G (vợ của H) chuyển số tiền 144.750.000 đồng vào tài khoản BIDV số 3710878548 của L, sau đó L chuyển trả lại tiền cho K2 số tiền 143.236.000 đồng, do số tiền này C1 đã ứng trước để thi công. Số tiền còn lại 1.514.000 đồng Lành trả lại cho C1.

7. Bán hóa đơn cho Công ty TNHH V3 (viết tắt công ty V3), mã số thuế 5200271292; địa chỉ: Số nhà C, đường T, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Lê Thanh H đã xuất bán trái phép với 02 hóa đơn GTGT số 24 ngày 28-8-2024 và số 25 ngày 29-8-2024, với tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 473.977.083 đồng, thuế GTGT là 37.918.167 đồng. Cụ thể:

Khoảng giữa năm 2024, Công ty V3 thi công xây dựng Trung tâm phục vụ hành chính công thị xã N, Nguyễn Ngọc S4 - Giám đốc Công ty V3 đã thuê Đặng Văn C1 - Giám đốc Công ty TNHH Đ thi công khung mái inox, lan can và các loại cửa. Sau khi hoàn thành, Công ty V3 đề nghị Chính cung cấp hóa đơn GTGT kèm theo các thông tin ghi trên hóa đơn (mặt hàng, số lượng, giá trị), C1 chuyển tiếp thông tin này đến cho H để mua hóa đơn. H đồng ý bán hóa đơn cho C1 với giá trị 12% tổng giá trị hàng hóa trước thuế, H chuyển tiếp thông tin cần ghi trên hóa đơn cho L, sau đó, L đã xuất 02 hóa đơn để C1 gửi trả cho Công ty V3 như nêu trên.

Lê Thanh H tính tiền mua hóa đơn của C1 là 12% tổng giá trị hàng hóa trước thuế tương đương 57.832.725 đồng, sau này do C1 khó khăn về tài chính nên H trao đổi với C1 về việc chỉ lấy tiền bán hóa đơn là 56.000.000 đồng.

Ngày 25-09-2024, Công ty V3 chuyển khoản 02 lần với tổng số tiền 200.000.000 đồng vào tài khoản của S5 (mỗi lần chuyển 100.000.000 đồng). Khi

nhận được tiền lần đầu tiên, H rút ra nộp vào tài khoản cá nhân rồi chuyển đến tài khoản BIDV số C7 của Nguyễn Thị Thu H4 để trả lại cho Công ty V3 chuyển khoản trả tiếp. Lần thứ hai khi Công ty V3 chuyển tiền đến tài khoản của S5 thì H tiếp tục rút ra và trừ đi 56.000.000 đồng tiền bán hóa đơn, số tiền còn lại 44.000.000 đồng thì chuyển vào tài khoản cá nhân của Đặng Văn C1 số 8704666566666 mở tại H7.

8. Bán hóa đơn cho Công ty TNHH T8 (viết tắt là công ty T8), mã số thuế 5200264023; địa chỉ: Tổ A, thị Trấn T, huyện T, tỉnh Yên Bái. Lê Thanh H bán trái phép 05 hóa đơn GTGT số 08, 09, 10, 11, 12 ngày 30-6-2023, với tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 348.432.250 đồng, thuế GTGT là 34.843.225 đồng. Cụ thể:

Trong năm 2023, Công ty T8 do Nguyễn Mạnh C3- Giám đốc Công ty T8 thi công Công trình xây mới trụ sở Công an các xã N, A, huyện V; Công an các xã T, Bản C, P, huyện T. Quá trình thi công hạng mục cửa nhôm, hoa thép bằng inox thì Công ty T8 thuê Đinh Thành C, địa chỉ: Tổ A, thị trấn N, huyện V thực hiện.

Sau khi hoàn thành hạng mục trên, Công ty T8 yêu cầu C cung cấp hóa đơn GTGT, C đã liên hệ với Lê Thanh H đặt vấn đề mua hóa đơn, H đồng ý bán hóa đơn GTGT cho C với giá tiền bằng 12% tổng giá trị hàng hóa trước thuế, C đồng ý rồi đề nghị Công ty T8 liên hệ với S5 để lấy hóa đơn. Sau đó, C3 liên hệ với H để mua hóa đơn, H bảo T sử dụng chữ ký số của S5 xuất 05 hóa đơn GTGT cho Công ty T8 với tổng giá trị hàng hóa sau thuế là 383.275.475 đồng. Đồng thời, T thông báo cho H biết số tiền H được hưởng của lần bán hóa đơn này là 41.811.870 đồng.

Ngày 04-7-2023, Công ty T8 làm thủ tục ủy nhiệm chi từ tài khoản Agribank số H7 chuyển 05 lần với tổng số tiền 383.275.475 đồng vào tài khoản của S5 theo hóa đơn. Sau đó, H sử dụng tài khoản H7 số 8710288999999 chuyển 341.475.000 đồng (H đã làm tròn số tiền) vào tài khoản H7 số 8704205015888 để nhờ Lành trả lại tiền cho Công ty T8 (do quá trình thi công Đinh Thành C đã ứng trước tiền, giữa C và Công ty T8 không còn công nợ). Số tiền thực tế H thu được từ bán 05 hóa đơn trên là 41.800.870 đồng

9. Bán hóa đơn cho Công ty cổ phần T8 (viết tắt là công ty T8), mã số thuế 5200638656; địa chỉ: Tổ dân phố số A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Yên Bái. Lê Thanh H bán trái phép tổng số 02 hóa đơn GTGT số 18, 19 ngày 14-12-2023, với tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 58.095.000 đồng, thuế GTGT là 4.647.600 đồng. Cụ thể:

Năm 2023, Công ty T8 do Nguyễn Thị Thu H6 - Giám đốc Công ty T8, thi công phần cửa Gói thầu sửa chữa Nhà văn hóa thôn B, xã N và thi công phần lan can Gói thầu cải tạo sân cổng, hàng rào, phòng làm việc Phòng Tài Chính - Kế hoạch huyện T. Quá trình thi công các hạng mục trên, qua Quản Đình P, địa chỉ: Phường M, thành phố Y (là chồng của Nguyễn Thị Thu H6) thuê Trần Văn M; địa chỉ: Bản C, xã N, thị xã N lắp đặt cửa nhôm, cửa sổ tại Nhà văn hóa thôn B1,

xã N. Sau khi hoàn thành công việc, Nguyễn Thị Thu H4- Kế toán Công ty T8 yêu cầu M xuất hóa đơn GTGT, M trao đổi với H4 là không xuất được hóa đơn và không biết về nghiệp vụ kế toán. Do biết Lê Thanh H bán hóa đơn nên M bảo H4 trực tiếp trao đổi với H. Sau khi có được thông tin của H, H4 liên hệ đặt vấn đề mua hóa đơn cho Công ty T8. H nói với H4 sẽ thu thêm 12% tổng giá trị hàng hóa trước thuế. H4 đồng ý và chuyển thông tin hàng hóa cho H, rồi H chuyển thông tin lại cho Đào Thị Hương T để xuất 02 hóa đơn GTGT cho Công ty T8, gồm các hóa đơn số 18 và 19 ngày 14-12-2023

Ngày 19-12-2023, Công ty T8 sử dụng tài khoản BIDV số C8 chuyển 6.970.000 đồng vào tài khoản của S5 để trả tiền mua hóa đơn. Để hợp thức hóa số tiền mua hàng hóa, ngày 12-01-2024, Công ty T8 sử dụng tài khoản BIDV số C8 chuyển 15.060.000 đồng vào tài khoản của S5; ngày 19-01-2024, Công ty T8 chuyển tiếp 27.580.000 đồng vào tài khoản S5 (trên sổ sách kế toán thể hiện Công ty T8 vẫn nợ S5 số tiền 13.130.000 đồng). Cùng ngày 19-01-2024, H sử dụng tài khoản H7 số 8710288999999 chuyển toàn bộ số tiền trên vào tài khoản BIDV số 37110000556589 của M để thanh toán tiền công cho M theo đề nghị của H4.

Tổng số hóa đơn Lê Thanh H bán trái phép cho 09 Công ty nói trên là 18 hóa đơn GTGT điện tử, với tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 1.439.918.249 đồng, tiền GTGT là 127.922.366 đồng.

Toàn bộ 18 hóa đơn nói trên đều là bán trái phép (xuất hóa đơn không có hàng hóa kèm theo) để kiếm lợi nhuận. Trong đó có 13 hóa đơn GTGT với tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 852.256.790 đồng, thuế GTGT là 79.936.583 đồng Lê Thanh H bán trái phép cho các Công ty P1, Công ty N3, Công ty T8, Công ty T8, Công ty N5, Công ty T8, Công ty T8 là thông qua sự giúp sức của Đào Thị Hương T; 05 hoá đơn GTGT với tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 589.643.459 đồng, thuế GTGT là 47.985.783 đồng H bán trái phép cho các Công ty HĐ, Công ty N5, công ty V3, là thông qua sự giúp sức của Vũ Thị L.

Ngày 21-11-2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã N, tỉnh Yên Bái tiếp nhận tố giác về tội phạm (đơn nặc danh) với nội dung tố giác Lê Thanh H, sinh năm 1981, trú tại: Tổ A, phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái (nay là tổ dân phố A, phường T, tỉnh Lào Cai) - Giám đốc Doanh nghiệp tư nhân S5 (gọi tắt là S5) có hành vi mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước xảy ra tại thị xã N, tỉnh Yên Bái, trong thời gian từ năm 2023 đến năm 2024. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã N, tỉnh Yên Bái đã tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, áp dụng các biện pháp kiểm tra, xác minh theo quy định. Căn cứ tài liệu xác minh thu thập được, ngày 30-12-2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã N đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự "Mua bán trái phép hóa đơn" đối với nguồn tin về tội phạm trên để điều tra. Quá trình điều tra đã chứng minh được việc thụ lợi bất chính của các bị cáo thông qua việc mua bán trái phép hoá đơn:

Quá trình xuất bán trái phép 18 hóa đơn GTGT khống trên, Lê Thanh H đã thu về tổng số tiền 180.336.475 đồng. Do đã phải chi trả số tiền 79.689.000 đồng

mua trái phép hóa đơn của Hoàng Thị N và ngoài ra không phải chi phí khoản nào khác liên quan đến việc xuất bán hóa đơn, nên số tiền thu lợi bất chính của H là 100.647.475 đồng. Đào Thị Hương T và Vũ Thị L chỉ giúp sức cho Lê Thanh H, không được hưởng lợi từ việc xuất bán hóa đơn GTGT khống nêu trên.

Quá trình xuất bán trái phép 07 hóa đơn GTGT khống như nêu trên, bị cáo Hoàng Thị N đã thu về số tiền 79.689.000 đồng, số hàng hóa ghi trên hóa đơn mà Hoàng Thị N bán cho Lê Thanh H vẫn còn tồn ở kho của N. N không phải chi phí khoản tiền nào khác, nên số tiền thu lợi bất chính của N từ việc bán trái phép hoá đơn cho H là 79.689.000 đồng.

Kết quả trưng cầu giám định tài chính, thuế:

Ngày 26-02-2025 Cơ quan CSĐT Công an thị xã N, tỉnh Yên Bái có Quyết định trưng cầu giám định số 243/QĐ-CSHS, trưng cầu giám định viên tư pháp trong lĩnh vực thuế thuộc Cục thuế tỉnh Y giám định, xác định giá trị thiệt hại về thuế GTGT, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp vào ngân sách Nhà nước của Công ty T7 và S5 trong việc thực hiện hành vi sử dụng hóa đơn không hợp pháp để kê khai khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào tại các kỳ tính thuế trong năm 2023, 2024 và xác định chi phí được trừ khi quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2023, 2024. Ngày 27-6-2025, Giám định viên tư pháp trong lĩnh vực thuế thuộc Cục thuế tỉnh Y có bản kết luận giám định đã xác định:

- Đối với Công ty TNHH T7:

"Không có cơ sở xác định Công ty T7 đã sử dụng 07 hóa đơn GTGT không có hàng hóa dịch vụ kèm theo để kê khai, khấu trừ thuế đầu vào kỳ tính thuế GTGT nào do đây là hóa đơn bán ra của doanh nghiệp. Việc Công ty T7 đã sử dụng 07 hóa đơn GTGT trên để ghi chép, hạch toán trên hệ thống sổ sách kế toán nhưng không xác định được doanh nghiệp đã hạch toán vào doanh thu để xác định tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp, thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các hóa đơn trên vào kỳ tính thuế nào, với số tiền hạch toán là bao nhiêu và thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp từ hành vi trên là bao nhiêu.

Do đó, Giám định viên tư pháp không có cơ sở xác định thiệt hại về thuế GTGT, thuế TNDN năm 2023 và năm 2024".

- Đối với doanh nghiệp S5.

Về thuế giá trị gia tăng: "Căn cứ hồ sơ, tài liệu do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã N và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Y cung cấp thì S5 có hành vi sử dụng hóa đơn GTGT không có hàng hóa dịch vụ kèm theo. Giám định viên tư pháp không có cơ sở xác định thiệt hại về thuế GTGT".

Về thuế Thu nhập doanh nghiệp: "Căn cứ hồ sơ, tài liệu do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã N và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Y cung cấp thì S5 có hành vi sử dụng hóa đơn GTGT không có hàng hóa dịch vụ kèm theo; không thực hiện kê khai, hạch toán chi phí khi kê khai, tính thuế TNDN đối với 07 hóa đơn GTGT không có hàng hóa dịch vụ kèm theo mua vào của Công ty

T7 và không thực hiện hạch toán vào doanh thu đối với 18 hóa đơn GTGT bán ra không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo. Giám định viên tư pháp không có cơ sở xác định thiệt hại về thuế TNDN"

Vật chứng của vụ án:

- 01 con dấu của doanh nghiệp tư nhân S5 có mã số doanh nghiệp E; 01 con dấu có tên giám đốc Lê Thanh H tạm giữ khi khám xét đối với Lê Thanh H, quá trình điều tra cơ quan CSĐT Công an thị xã N đã trả lại cho Lê Thanh H quản lý và sử dụng.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 11, số IMEI1: 35 633410 271103 6, IMEI2: 35 633410 278767 1. Máy đã qua sử dụng, thu giữ của Lê Thanh H;

- 01 điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Apple Iphone 15, số IMEI1: 35 444944582775 2, IMEI2: 35 444944721170 8. Máy đã qua sử dụng, thu giữ của Đào Thị Hương T.

- Số tiền 79.689.000 đồng của bị can Hoàng Thị N tự giác giao nộp và số tiền 100.647.475 đồng bị can Lê Thanh H tự giác giao nộp khắc phục hậu quả.

- 07 hóa đơn GTGT của Hoàng Thị N bán cho Lê Thanh H và 18 hóa đơn GTGT của Lê Thanh H bán cho 09 Công ty, đã được đưa vào hồ sơ vụ án án.

Cáo trạng số 02/CT-VKS-KV5 ngày 17-7-2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5- Lào Cai truy tố bị cáo Lê Thanh H về tội "Mua bán trái phép hóa đơn" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Hoàng Thị N và Đào Thị Hương T về tội "Mua bán trái phép hóa đơn" theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi mua bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố, các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai, là vi phạm pháp luật, xin được áp dụng hình phạt chính là phạt tiền.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lê Thanh H, Đào Thị Hương T, Hoàng Thị N phạm tội "Mua bán trái phép hóa đơn" và đề nghị:

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 203; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 của Bộ luật Hình sự phạt tiền bị cáo Lê Thanh H từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 của Bộ luật Hình sự phạt tiền bị cáo Đào Thị H5 Trà từ 50.000.000 đến 60.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự phạt tiền bị cáo Hoàng Thị N từ 70.000.000 đến 80.000.000 đồng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, đề nghị:

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 11, máy đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Lê Thanh H; 01 điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Apple Iphone 15, máy đã qua sử dụng, thu giữ của bị cáo Đào Thị Hương T.

- Tịch thu số tiền Lê Thanh H phạm tội mà có là 100.647.475 đồng; tịch thu số tiền bị cáo Hoàng Thị N phạm tội mà có 79.689.000 đồng, đề sung vào ngân sách nhà nước.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì.

Lời nói sau cùng của các bị cáo:

- Bị cáo Lê Thanh H nhận thức được việc mua bán hóa đơn giá trị gia tăng khống là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

- Các bị cáo Hoàng Thị N, Đào Thị Hương T6 xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã N, Cơ quan điều tra Công an tỉnh Y, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghĩa lộ, Viện kiểm sát hân dân khu vực 5- Lào Cai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Vũ Thị L, Hà Văn H3, Hoàng Văn S1, Phạm Ngọc Q3, Đinh Thành C, Phạm Văn C5, Phạm Văn M2, Chu Linh T2; người làm chứng Bùi Phong V, Đỗ Thế M1, Vũ Ngọc V1, Trần Minh T3, Vũ Ngọc T4, Nguyễn Mạnh K1, Nguyễn Thị K2, Nguyễn Ngọc S2, Nguyễn Thu H6, Quản Đình P, Nguyễn Thị Thu H4, Trần Văn C2, đã được triệu tập hợp lệ vắng mặt và đã có lời khai trong hồ sơ vụ. Xét thấy sự vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không gây trở ngại cho việc

xét xử. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng theo quy định tại Điều 292 và Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của những người tham gia tố tụng khác, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

- Đối với hành vi phạm tội của bị cáo Lê Thanh H: Với vai trò là Giám đốc Doanh nghiệp tư nhân S5; địa chỉ: Thôn N, xã P, thị xã N, tỉnh Yên Bái (nay là tổ dân phố N, phường T, tỉnh Lào Cai), từ tháng 4 năm 2023 đến tháng 8 năm 2024 Lê Thanh H đã có hành vi xuất bán trái phép 18 hóa đơn giá trị gia tăng khống (hóa đơn đã ghi các nội dung nghiệp vụ kinh tế nhưng việc mua bán hàng hóa, dịch vụ không có thật một phần hoặc toàn bộ) cho 09 công ty ở các địa phương khác nhau trong tỉnh Yên Bái (nay là tỉnh Lào Cai) thu lợi bất chính số tiền 100.647.475 đồng. Trong 18 hóa đơn H bán trái phép có 13 hóa đơn GTGT với tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 852.256.790 đồng, thuế GTGT là 79.936.583 đồng Lê Thanh H bán trái phép cho các Công ty P1, Công ty N3, Công ty T8, Công ty T8, Công ty N5, Công ty T8, Công ty T8 là thông qua sự giúp sức của Đào Thị Hương T; 05 hoá đơn GTGT với tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 589.643.459 đồng, thuế GTGT là 47.985.783 đồng H bán trái phép cho các Công ty HĐ, Công ty N5, công ty V3, là thông qua sự giúp sức của Vũ Thị L.

Hành vi bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng khống (hóa đơn đã ghi các nội dung nghiệp vụ kinh tế nhưng việc mua bán hàng hóa, dịch vụ không có thật một phần hoặc toàn bộ), thu lợi bất chính số tiền 100.647.475 đồng, đã đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép hóa đơn" được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 203 của Bộ luật Hình sự.

- Đối với hành vi phạm tội của bị cáo Đào Thị Hương T: Với vai trò là Kế toán Doanh nghiệp tư nhân S5, trong khoảng thời gian từ tháng 4 năm 2023 đến tháng 8 năm 2024, Đào Thị Hương T đã giúp sức cho Lê Thanh H bán trái phép 13 hóa đơn GTGT cho các Công ty P1, Công ty N3, Công ty T8, Công ty T8, Công ty N5, Công ty T8, Công ty T8, với tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 852.256.790 đồng, thuế GTGT là 79.936.583 đồng.

Hành vi giúp sức cho Lê Thanh H bán trái phép 13 hóa đơn giá trị tăng của bị cáo Đào Thị Hương T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép hóa đơn" được quy định tại khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Hình sự.

- Đối với hành vi phạm tội của bị cáo Hoàng Thị N: Với vai trò là Giám đốc Công ty TNHH một thành viên T7, địa chỉ tại phường Đ, tỉnh Bắc Ninh. Bị cáo Hoàng Thị N đã xuất bán trái phép 07 hóa đơn khống (hóa đơn đã ghi các nội dung nghiệp vụ kinh tế nhưng việc mua bán hàng hóa, dịch vụ không có thật một phần hoặc toàn bộ) cho Lê Thanh H, thu lợi bất chính số tiền 79.689.0000 đồng. Hành vi bán trái phép hóa đơn thu lợi bất chính số tiền 79.689.0000 đồng của bị cáo Hoàng Thị N đã đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép hóa đơn" được quy định tại khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố: Bị cáo Lê Thanh H về tội "Mua bán trái phép hóa đơn theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 203 của Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo Đào Thị Hương T, Hoàng Thị N về tội "Mua bán trái phép hóa đơn" theo quy định tại khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Hình sự. Là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Về đồng phạm: Giữa bị cáo Lê Thanh H và bị cáo Đào Thị Hương T không có sự câu kết chặt chẽ trong việc thực hiện tội phạm nên đây là trường hợp đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo H là người trực tiếp trao đổi với các cá nhân, công ty, đơn vị để bán trái phép hóa đơn, trực tiếp chỉ đạo Đào Thị Hương T, Vũ Thị L xuất bán các hóa đơn giá trị gia tăng khống và được hưởng lợi toàn bộ số tiền từ việc bán hóa đơn trái phép. Vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn bị cáo T. Bị cáo Đào Thị Hương T do có mối quan hệ gia đình, được Lê Thanh H nhờ soạn thảo, giao dịch để H bán trái phép 13 hóa đơn giá trị gia tăng khống. T không được hưởng lợi từ việc H bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng, do vậy, T phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò là người giúp sức trong vụ án và phải chịu trách nhiệm hình sự đối với 13 hóa đơn đã bán trái phép.

[5] Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi mua bán trái phép hóa đơn là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ vụ lợi nên các bị cáo đã cố ý thực hiện nhằm mục đích thu lợi bất chính. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, trực tiếp xâm phạm đến các quy định của Nhà nước trong lĩnh vực thuế, hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước.

[6] Xét nhân thân: Các bị cáo không có tiền án, tiền sự ngoài lần phạm tội này, luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú, nơi làm việc.

[7] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Hoàng Thị N, Đào Thị Hương T được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Lê Thanh H, Hoàng Thị N đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính để khắc phục hậu quả của vụ án nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Tự nguyện khắc phục hậu quả" quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Lê Thanh H có bố, mẹ đẻ là người tham gia kháng chiến được tặng thưởng nhiều Huân, huy chương kháng chiến (mẹ đẻ được tặng Huy chương

kháng chiến hạng nhì; bố đẻ được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất; Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng nhất; Huân chương kháng chiến hạng ba). Bị cáo Hoàng Thị N có bố đẻ là thương binh hạng A, nên cả 02 bị cáo đều được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[8] Căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân các bị cáo, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự xét thấy: Các bị cáo phạm tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt; các bị cáo xin được áp dụng hình phạt chính là phạt tiền. Hội đồng xét xử áp dụng hình tiền là hình phạt chính cũng đủ răn đe, giáo dục đồng thời thể hiện tính khoan hồng của Nhà nước và pháp luật đối với các bị cáo. Kiểm sát viên đề nghị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với các bị cáo phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về hình phạt bổ sung: Khoản 3 Điều 203 của Bộ luật Hình sự quy định: "Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm". Do Hội đồng xét xử đã áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và hình phạt khác đối với các bị cáo.

[10] Về vật chứng và tài sản tạm giữ trong vụ án:

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 11, máy đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Lê Thanh H và 01 điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Apple Iphone 15, máy đã qua sử dụng, thu giữ của bị cáo Đào Thị Hương T. Đây là những công cụ, phương tiện các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội. Xét thấy cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 100.647.475 đồng bị cáo Lê Thanh H có được từ việc bán trái phép hóa đơn và số tiền 79.689.000 đồng bị cáo Hoàng Thị N có được từ việc bán trái phép hóa đơn. Ngày 21-3-2025 bị cáo N đã tự nguyện giao nộp số tiền 79.689.000 đồng là tiền bị cáo thu lợi từ việc bán trái phép hóa đơn; ngày 03-7-2025 bị cáo Lê Thanh H đã tự nguyện nộp số tiền 100.647.475 đồng là tiền bị cáo thu lợi từ việc bán trái phép hóa đơn. Đây là số tiền các bị cáo phạm tội mà có cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với 07 hóa đơn GTGT của Hoàng Thị N bán cho Lê Thanh H và 18 hóa đơn GTGT của Lê Thanh H bán cho 09 Công ty, đã được đưa vào hồ sơ vụ án. Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã đưa vào hồ sơ vụ án và lưu trữ là phù hợp.

[11] Các đối tượng và hành vi có liên quan:

- Đối với Vũ Thị L: Từ tháng 01-2024 đến 06-2024, L tham gia hỗ trợ nghiệp vụ kế toán cho Lê Thanh H, đã giúp sức cho H bán trái phép 05 hóa đơn GTGT không có hàng hóa kèm theo, L không được hưởng lợi từ hành vi này. Do tổng số hóa đơn L giúp H xuất khống dưới 10 hóa đơn nên hành vi của Vũ Thị L

không cấu thành tội Mua bán trái phép hóa đơn. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Y thông báo và chuyển tài liệu đến Cơ quan thuế có thẩm quyền để xử lý theo quy định.

- Đối với Hà Văn H3 đã có hành vi mua 02 hóa đơn khống, Hoàng Văn S1 mua 02 hóa đơn khống, Phạm Ngọc Q3 mua 01 hóa đơn khống, Đinh Thành C mua 06 hóa đơn khống, Đặng Văn C1 mua 04 hóa đơn khống, Trần Văn M mua 01 hóa đơn khống, Chu Linh T2 mua 02 hóa đơn khống từ bị cáo Lê Thanh H với mục đích sử dụng cho các Công ty P1, Công ty N3, Công ty T8, Công ty T8, Công ty T8, Công ty N5, Công ty V3, Công ty T8, Công ty T8. Hành vi của các cá nhân trên chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L thông báo và chuyển tài liệu đến Cơ quan thuế có thẩm quyền để xử lý theo quy định.

- Đối với các cá nhân thuộc các Công ty như: Nguyễn Mạnh K1 - Giám đốc công ty T8, Nguyễn Mạnh C3 - Giám đốc công ty T8, Nguyễn Ngọc S4 - Giám đốc công ty V3, Nguyễn Thị Thu H6 - Giám đốc công ty T8, Bùi Phong V - Giám đốc công ty P1, Trịnh Khắc N2 - Giám đốc công ty T8, Nguyễn Thị K2 - Giám đốc công ty N5, Vũ Ngọc T4 - Giám đốc công ty HĐ, và một số cá nhân khác có liên quan, quá trình điều tra xác định các cá nhân này không trực tiếp và không liên quan đến việc mua bán hóa đơn khống. Do vậy, không đủ căn cứ để xem xét, xử lý trong vụ án.

[12] Về án phí và quyền kháng cáo:

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lê Thanh H, Đào Thị Hương T, Hoàng Thị N phạm tội "Mua bán trái phép hóa đơn".

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 203; điểm b, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thanh H 200.000.000 đồng nộp vào ngân sách Nhà nước

- Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đào Thị Hương T 50.000.000 đồng nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm b, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị N 75.000.000 đồng nộp vào ngân sách Nhà nước.

3. Về vật chứng và tài sản tạm giữ của vụ án: Căn cứ điểm a, điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 điên thoại nhãn hiệu Apple Iphone 11, số IMEI 1: 35 633410 271106 6, IMEI2: 35 633410 278767 1, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết bên trong, điện thoại không gắn sim; 01 điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Apple Iphone 15, số IMEI1: 35 444944582775 2, IMEI2: 35 444944721170 8, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết bên trong, điện thoại không gắn sim.

- Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước: Số tiền bị cáo Lê Thanh H phạm tội mà có là 100.647.475 đồng (số tiền này bị cáo Lê Thanh H đã nộp vào tài khoản ngân hàng của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai, tài khoản số 8701201004171 mở tại Ngân hàng N6 chi nhánh Đ1, Yên Bái); số tiền bị cáo Hoàng Thị N phạm tội mà có là 79.689.000 đồng (số tiền này được Công an tỉnh L chuyển đến Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai theo ủy nhiệm chi lập ngày 10-9-2025).

Các vật chứng có đặc điểm được mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 15-8-2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Y và Phòng thi hành án dân sự khu vực 5- Lào Cai.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Lê Thanh H, Đào Thị Hương T, Hoàng Thị N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 5;
- CQCSĐT Công an tỉnh Lào Cai;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Lào Cai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai;
- Các bị cáo;
- Người có QLNV liên quan;
- Lưu: HS, TA, THAHS

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Lên